



C. Năm quyền lãnh đạo về chính trị và kinh tế. D. Bị xóa bỏ hoàn toàn.

Câu 11: Theo quy định của Hiến pháp năm 1947, Nhật Bản là nước theo thể chế nào?

- A. Quân chủ lập hiến. B. Cộng hòa.  
C. Cộng hòa nghị viện. D. Dân chủ đại nghị.

## II. Thông hiểu

Câu 1: Nguyên nhân khách quan quan trọng giúp nền kinh tế Nhật đạt mức “thần kì” sau chiến tranh là

- A. áp dụng thành tựu của cách mạng khoa học kĩ thuật. B. vai trò quản lí, điều tiết nền kinh tế của nhà nước.  
C. các công ty Nhật Bản có tầm nhìn xa, quản lý tốt, biết len lỏi vào thị trường thế giới.  
D. yếu tố con người được nhà nước Nhật Bản quan tâm, đầu tư hàng đầu.

Câu 2: Nguyên nhân nào không dẫn đến sự phát triển kinh tế Nhật sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Con người năng động, sáng tạo. B. Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú.  
C. Chi phí quốc phòng thấp. D. Tận dụng tối đa viện trợ bên ngoài.

Câu 3: Từ đầu năm 90 của thế kỉ XX, nền kinh tế Nhật Bản

- A. lâm vào suy thoái nhưng vẫn là một trong 3 trung tâm kinh tế-tài chính lớn của thế giới.  
B. tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.  
C. bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước có nền công nghiệp mới.  
D. có nền kinh tế phát triển nhất.

Câu 4: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã gặp phải những khó khăn gì cho quá trình phát triển kinh tế?

- A. Bị mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề, nghèo tài nguyên thiên nhiên.  
B. Nạn thất nghiệp, thiếu lương thực, thực phẩm.  
C. Bị các nước đế quốc bao vây về kinh tế.  
D. Bị quân đội Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản.

Câu 5: Nền tảng xuyên suốt của chính sách đối ngoại của Nhật là mối quan hệ với

- A. Mĩ. B. Mĩ, Tây Âu. C. Mĩ, Tây Âu, Đông Nam Á. D. Mĩ, Tây Âu, Châu Á, NICs.

Câu 6: GDP giành cho quốc phòng của Nhật chỉ dưới 1% tổng GDP vì

- A. nền công nghiệp quốc phòng phát triển mạnh mẽ. B. được Mĩ bảo hộ.  
C. chính sách đối ngoại hòa bình, trung lập.  
D. Nhật không có quân đội thường trực.

Câu 7: Nguyên nhân khách quan hàng đầu làm nền kinh tế Nhật phát triển “thần kì” là

- A. vai trò quan trọng của Nhà nước trong việc quản lí, điều tiết nền kinh tế.  
B. coi trọng yếu tố con người.  
C. các công ty của Nhật có tầm nhìn xa.  
D. áp dụng tốt tiến bộ khoa học- kĩ thuật thế giới.

Câu 8: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã gặp phải những khó khăn gì cho quá trình phát triển kinh tế?

- A. Bị mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề, nghèo tài nguyên thiên nhiên.  
B. Nạn thất nghiệp, thiếu lương thực, thực phẩm.  
C. Bị các nước đế quốc bao vây về kinh tế.  
D. Bị quân đội Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản.

## III. Vận dụng

Câu 1: Sự kiện đánh dấu sự "trở về" Châu Á của Nhật Bản là

- A. năm 1978, hiệp ước hoà bình và hữu nghị Trung- Nhật. B. năm 1991, học thuyết Kai-phi.  
C. năm 1977, học thuyết Phu-cur-đa. D. năm 4/1996, hiệp ước An ninh Mĩ Nhật kéo dài vĩnh viễn.

Câu 2: Hai sự kiện nào sau đây xảy ra đồng thời trong một năm và có ý nghĩa quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nhật?

- A. Bình thường hóa quan hệ với Liên Xô và gia nhập Liên hợp quốc.  
B. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam và Trung Quốc.  
C. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Mĩ và tây Âu.  
D. Thiết lập quan hệ ngoại giao với ASEAN và Liên minh châu Âu.

Câu 3: Sự phát triển “thần kì” của kinh tế Nhật Bản bộc lộ rõ nét nhất ở ý nào sau đây?

- A. Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân đứng thứ 2 thế giới tư bản sau Mỹ.
  - B. Từ 1950-1973, tổng sản phẩm quốc dân tăng gấp 20 lần.
  - C. Nhật là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.
  - D. Từ một nước bại trận, khó khăn, thiếu thốn, Nhật vươn lên thành một siêu cường.
- Câu 4: Để phát triển khoa học- kỹ thuật, ở Nhật xuất hiện những hiện tượng gì ít thấy trong thế giới tư bản?

- A. Coi trọng giáo dục quốc dân- khoa học kỹ thuật
- B. Đi sâu vào các ngành công nghiệp ứng dụng dân dụng
- C. Chấp nhận đứng dưới Chiếu ô bảo hộ hạt nhân của Mỹ
- D. Đẩy mạnh việc mua bằng sáng chế về khoa học, công nghệ, kỹ thuật

Câu 5: Sự kiện đánh dấu nền kinh tế Nhật phát triển sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Cách mạng Trung Quốc thành công.
- B. Từ sau cuộc chiến tranh Triều Tiên.
- C. Sau chiến tranh Việt Nam.
- D. Sau cách mạng Cu ba.

Câu 6: Đặc điểm cơ bản của sự phát triển khoa học - kỹ thuật Nhật Bản là gì?

- A. Chi phí nhiều cho nghiên cứu.
- B. Mua phát minh sáng chế từ bên ngoài.
- C. Chú trọng giáo dục.
- D. Trả lương cao cho các nhà khoa học.

Câu 7: Sự phát triển "Thần kì" của Nhật Bản được biểu hiện rõ nét nhất ở thành tựu:

- A. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm (từ 1960 đến 1969) là 10,8%.
- B. Năm 1968, kinh tế Nhật vươn lên đứng hàng thứ hai trong thế giới tư bản.
- C. Từ thập niên 70, Nhật trở thành một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính của thế giới.
- D. Từ một nước bại trận, chỉ sau thời gian ngắn, Nhật vươn lên thành một siêu cường kinh tế.

Câu 8: Việc đầu tư để rút ngắn khoảng cách về sự phát triển khoa học- kỹ thuật của Nhật Bản có nét khác biệt so với các nước tư bản khác là

- A. mua bằng phát minh sáng chế và chuyển giao công nghệ.
- B. đầu tư cho giáo dục, xem đó là quốc sách hàng đầu.
- C. đầu tư chi phí cho nghiên cứu khoa học.
- D. khuyến khích các nhà khoa học trên thế giới sang Nhật làm việc.

Câu 9: Hiệp ước an ninh Mĩ- Nhật được kí kết năm 1951, nhằm mục đích:

- A. Nhật dựa vào Mĩ về quân sự để giảm chi phí quốc phòng.
- B. Kết thúc chế độ chiếm đóng của Đông minh trên lãnh thổ Nhật.
- C. Tạo thế cân bằng chiến lược về quân sự giữa Mĩ và Nhật.
- D. Chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc ở Viễn Đông.

Câu 10: Trong bối cảnh "Chiến tranh lạnh" căng thẳng, về quân sự Nhật Bản khác với các nước tư bản Tây Âu ở chỗ

- A. không tham gia bất kì tổ chức quân sự nào của Mĩ.
- B. không sản xuất vũ khí cho Mĩ.
- C. không có quân đội thường trực.
- D. không có lực lượng phòng vệ.

Câu 11: Mốc đánh dấu sự "trở về" Châu Á của Nhật Bản là:

- A. Học thuyết Tan-na-ca (1973).
- B. Học thuyết Phu-cư-đa (1977).
- C. Học thuyết Kai-pu (1991).
- D. Học thuyết Ko-zu-mi (1998).

Câu 12: Nguyên nhân chính nào giúp Nhật Bản không chi tiêu nhiều cho chi phí quốc phòng?

- A. Nhật nằm trong vùng thường xảy ra thiên tai, động đất, sóng thần.
- B. Nhật nằm trong "ô bảo vệ hạt nhân" của Mĩ.
- C. Tài nguyên khoáng sản không nhiều, nợ nước ngoài do bồi thường chi phí chiến tranh.
- D. Dân cư đông không thích hợp đầu tư nhiều vào quốc phòng.

Câu 13: Sự kiện nào diễn ra ở Nhật có tác động trực tiếp đến cách mạng Việt Nam?

- A. Ngày 06/08/1945, Mĩ ném bom nguyên tử xuống thành phố Hirôshima.
- B. Ngày 15/08/1945, Nhật Hoàng chính thức tuyên bố chấp nhận đầu hàng đồng minh không điều kiện.
- C. Năm 1951, Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật được kí kết.
- D. Năm 1968, Nhật trở thành cường quốc thứ 2 trong thế giới tư bản.

Câu 14: Việt Nam có thể rút ra bài học gì về sự phát triển thần kì của kinh tế Nhật Bản?

- A. Khai thác triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- B. Áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật một cách hiệu quả vào sản xuất.
- C. Đầu tư nghiên cứu khoa học và chú trọng giáo dục.
- D. Giảm chi phí cho quốc phòng để tập trung phát triển kinh tế.

## **Câu hỏi trắc nghiệm Lịch sử 12: Bài 9 - Quan hệ quốc tế trong và sau thời kỳ “Chiến tranh lạnh”**

### **1. Mức độ nhận biết:**

**Câu 1.** Quan hệ giữa Mỹ và Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã có sự chuyển biến như thế nào?

- A. Chuyển từ đối đầu sang đối thoại.
- B. Hợp tác với nhau trong việc giải quyết nhiều vấn đề quốc tế lớn.
- C. Từ hợp tác với nhau trong chiến tranh chuyển sang đối đầu.
- D. Từng là đồng minh trong chiến tranh chuyển sang đối đầu và đi đến tình trạng chiến tranh lạnh.

**Câu 2.** Chiến tranh lạnh là

- A. cuộc đối đầu căng thẳng giữa hai siêu cường Mỹ và Liên Xô trên tất cả mọi lĩnh vực.
- B. chính sách thù địch, căng thẳng trong quan hệ giữa hai phe - phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
- C. sự xung đột trực tiếp bằng quân sự giữa hai siêu cường Mỹ và Liên Xô.
- D. cuộc chạy đua vũ trang giữa hai phe – phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

**Câu 3.** Sự kiện khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô, gây nên cuộc “Chiến tranh lạnh” là sự ra đời của

- A. “Học thuyết Truman”.
- B. “Kế hoạch Mácsan”.
- C. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương.
- D. chiến lược “Cam kết và mở rộng”.

**Câu 4.** “Kế hoạch Mácsan” (6/1947) của Mỹ còn có tên gọi khác là

- A. “Kế hoạch phục hưng châu Âu”.
- B. “Kế hoạch khôi phục châu Âu”.
- C. “Kế hoạch phát triển châu Âu”.
- D. “Kế hoạch tái thiết châu Âu”.

**Câu 5.** Một trong những mục đích của Mỹ khi đề ra “Kế hoạch Mácsan” (1947) là tập hợp các nước Tây Âu vào

- A. liên minh kinh tế đối lập với các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Đông Âu.
- C. liên minh chính trị chống Liên Xô và các nước Đông Âu.
- D. tổ chức chính trị-quân sự chống lại phe xã hội chủ nghĩa.

**Câu 6.** Việc thực hiện “Kế hoạch Mácsan” đã tác động như thế nào đến mối quan hệ giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa?

- A. Tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế và chính trị.
- B. Tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế và quân sự.
- C. Tạo nên sự phân chia đối lập về chính trị.
- D. Tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế.

**Câu 7.** Tổ chức nào dưới đây là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mỹ cầm đầu nhằm chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu?

- A. SEATO.
- B. NATO.
- C. CENTO.
- D. ANZUS.

**Câu 8.** Tổ chức Hiệp ước Vácava là tổ chức liên minh

- A. quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.
- B. kinh tế - quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.
- C. chính trị - quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.
- D. kinh tế - chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.

**Câu 9.** Sự ra đời của tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (1949) và Tổ chức Hiệp ước Vácava (1955) đã tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế?

- A. Đánh dấu cuộc Chiến tranh lạnh chính thức bắt đầu.
- B. Đánh dấu sự xác lập cục diện hai cực, hai phe, Chiến tranh lạnh bao trùm thế giới.
- C. Đặt nhân loại đứng trước nguy cơ của cuộc chiến tranh thế giới mới.
- D. Khoét sâu thêm mâu thuẫn giữa hai phe – phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

**Câu 10.** Định ước Henxinki (8/1975), được kí kết giữa 33 nước châu Âu với Mỹ và Canada đã tạo nên một cơ chế giải quyết các vấn đề

- A. chống khủng bố ở châu Âu.
- B. liên quan đến hòa bình, an ninh ở châu Âu.
- C. tranh chấp bằng biện pháp hòa bình ở châu Âu.
- D. bảo vệ môi trường ở châu Âu.

**Câu 11.** Sự kiện nào dưới đây được xem là sự kiện chấm dứt cuộc “Chiến tranh lạnh”?

- A. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức được kí kết (1972).
- B. Định ước Henxinki được kí kết (1975).
- C. Liên Xô và Mĩ kí Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (1972).
- D. Cuộc gặp gỡ không chính thức giữa M. Góocbachốp và G. Busơ (cha) (1989).

**Câu 12.** Bước sang thế kỉ XXI, xu thế chung trong quan hệ quốc tế là

- A. tăng cường liên kết khu vực để tăng cường tiềm lực kinh tế, quân sự.
- B. hòa bình, hợp tác và phát triển.
- C. cạnh tranh khốc liệt để tồn tại.
- D. cùng tồn tại trong hòa bình, các bên cùng có lợi

## **2. Mức độ thông hiểu:**

**Câu 1:** Nét nổi bật chi phối các quan hệ quốc tế trong hơn bốn thập kỉ nửa sau thế kỉ XX là

- A. nhiều cuộc chiến tranh cục bộ đã xảy ra.
- B. xu thế liên minh kinh tế khu vực và quốc tế.
- C. xuất hiện tình trạng Chiến tranh lạnh.
- D. thế giới chuyển sang xu thế hòa dịu, hợp tác.

**Câu 2.** Nguồn gốc của cuộc Chiến tranh lạnh là

- A. do sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc Mĩ và Liên Xô.
- B. xuất phát từ tham vọng làm bá chủ thế giới của Mĩ.
- C. do sự chi phối của trật tự hai cực Ianta.
- D. xuất phát từ mục tiêu chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa của Mĩ.

**Câu 3.** Mục tiêu của Mĩ khi phát động “Chiến tranh lạnh” là

- A. ngăn chặn sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội từ Liên Xô sang Đông Âu và thế giới.
- B. Mĩ lôi kéo các nước Đông Minh của mình chống Liên Xô.
- C. chống lại ảnh hưởng của Liên Xô.
- D. phá hoại phong trào cách mạng thế giới.

**Câu 4:** Thực chất của Kế hoạch Mácsan (6/1947) mà Mĩ đề ra là

- A. giúp các nước Tây Âu khôi phục nền kinh tế bị tàn phá sau chiến tranh.
- B. khống chế, chi phối các nước Tây Âu trở thành đồng minh phụ thuộc Mĩ.
- C. tăng cường sức mạnh kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa.
- D. tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh kinh tế - chính trị của Mĩ chống Liên Xô và các nước Tây Âu.

**Câu 6.** Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mĩ lập ra vào tháng 4/1949 nhằm mục đích

- A. đàn áp phong trào cách mạng thế giới.
- B. đảm bảo hòa bình và an ninh châu Âu.
- C. chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.
- D. tăng cường sức mạnh kinh tế - chính trị của các nước tư bản chủ nghĩa.

**Câu 7.** Nguyên nhân chủ quan buộc Mĩ và Liên Xô chấm dứt Chiến tranh lạnh là

- A. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc.
- B. Tây Âu và Nhật Bản vươn lên mạnh mẽ trở thành đối thủ của Mĩ.
- C. cuộc chạy đua vũ trang làm cho 2 nước quá tốn kém và suy giảm thế mạnh của họ trên nhiều mặt.
- D. sự lớn mạnh của Trung Quốc, Ấn Độ và các nước công nghiệp mới.

**Câu 8.** Chiến tranh lạnh chấm dứt đã tác động như thế nào đến tình hình thế giới ngày nay?

- A. Nhiều vụ tranh chấp, xung đột được giải quyết bằng biện pháp hòa bình.
- B. Phạm vi ảnh hưởng của Mĩ và Liên Xô bị thu hẹp.
- C. Các cường quốc tăng cường chạy đua vũ trang để xây dựng sức mạnh thực sự của mình.
- D. Sự xuất hiện của chủ nghĩa khủng bố đe dọa hòa bình an ninh thế giới.

**Câu 9.** Vì sao trật tự “hai cực” Ianta sụp đổ?

- A. Do sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản và các nước Tây Âu.
- B. Liên Xô và Mĩ quá tốn kém trong việc chạy đua vũ trang.
- C. “cực” Liên Xô đã tan rã, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới không tồn tại.
- D. Nền kinh tế Liên Xô ngày càng lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng.

**Câu 10.** Vì sao sau Chiến tranh lạnh, giới cầm quyền Mĩ ra sức thiết lập trật tự thế giới “một cực” nhưng không dễ gì thực hiện được?

- A. Do sự lớn mạnh của Trung Quốc. B. Do sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản.  
C. Do sự phát triển mạnh mẽ của Tây Âu. D. Do tương quan lực lượng giữa các cường quốc.

**Câu 11.** Nội dung nào sau đây đúng với một trong các xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh?

- A. Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng “đa cực”.  
B. Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng “đơn cực”.  
C. Hầu hết các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào ổn định chính trị.  
D. Thế giới không còn xảy ra chiến tranh, xung đột.

**Câu 12.** Ý **không** phản ánh đúng xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh là

- A. trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng “đa cực”.  
B. các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm.  
C. trong quan hệ quốc tế, dần hình thành một trật tự thế giới mới – trật tự thế giới đơn cực, do Mỹ đứng đầu.  
D. giới cầm quyền Mỹ ra sức thiết lập trật tự thế giới “một cực” nhưng khó thực hiện được.

### 3. Mức độ vận dụng:

**Câu 1.** Tham vọng của Mỹ khi phát động cuộc Chiến tranh lạnh là

- A. chống phá Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. B. đẩy lùi phong trào cách mạng thế giới.  
C. thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới. D. đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân trong nước.

**Câu 2.** Điểm giống nhau giữa hai cuộc chiến tranh thế giới và Chiến tranh lạnh trong thế kỉ XX là

- A. gây nên mâu thuẫn sâu sắc giữa các nước. B. để lại hậu quả nghiêm trọng cho nhân loại.  
C. diễn ra trên mọi lĩnh vực. D. diễn ra quyết liệt, không phân thắng bại.

**Câu 3.** Học thuyết Truman được Quốc hội Mỹ thông qua ngày 12/3/1947 đã vấp phải sự phản kháng của thế giới vì bản chất

- A. phi nghĩa của nó. B. bành trướng của nó.  
C. chống cộng của nó. D. đe dọa nền hòa bình của nó đối với nhân loại.

**Câu 4.** Một trong những nguyên nhân dẫn tới sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Vácava là

- A. chống lại khối quân sự NATO do Mỹ cầm đầu.  
B. tăng cường mối quan hệ hợp tác kinh tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa.  
C. giữ gìn hòa bình và an ninh châu Âu.  
D. tăng cường sức mạnh chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 5.** Hậu quả nặng nề, nghiêm trọng nhất để lại cho thế giới trong suốt thời gian cuộc Chiến tranh lạnh là gì?

- A. Khoét sâu thêm mâu thuẫn giữa hai phe – phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.  
B. Hàng ngàn căn cứ quân sự được thiết lập trên toàn cầu.  
C. Thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng, đối đầu, nguy cơ bùng nổ chiến tranh thế giới.  
D. Xuất hiện các cuộc chiến tranh cục bộ ở nhiều khu vực như Đông Nam Á, Triều Tiên....

**Câu 6.** Ý nào dưới đây không nằm trong diễn biến của Chiến tranh lạnh?

- A. Xung đột trực tiếp giữa hai siêu cường. B. Các cuộc chiến tranh cục bộ ở Đông Dương.  
C. Cuộc chiến tranh Triều Tiên. D. Xung đột ở Trung Đông.

**Câu 7.** Sự khác biệt cơ bản giữa Chiến tranh lạnh với Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. diễn ra trên mọi lĩnh vực, ngoại trừ xung đột trực tiếp về quân sự.  
B. làm cho thế giới luôn trong tình trạng đối đầu, căng thẳng.  
C. gây ra nhiều hậu quả nặng nề cho nhân loại.  
D. diễn ra dai dẳng, giằng co, không phân thắng bại.

**Câu 8.** Điểm chung của Hiệp ước Bali (của tổ chức ASEAN) và Định ước Henxinki (của Mỹ, Canada và 33 nước châu Âu) là

- A. xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước.  
B. khẳng định sự bền vững của đường biên giới giữa các quốc gia.  
C. hợp tác phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội.  
D. tăng cường sự hợp tác giữa các nước trong lĩnh vực khoa học – kĩ thuật.

**Câu 9.** Sự “đối đầu” giữa hai cực Xô – Mỹ trong gian Chiến tranh lạnh được biểu hiện rõ nét nhất qua

- A. cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp. B. cuộc chiến tranh Triều Tiên.

C. cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ. D. các cuộc chiến tranh ở Trung Đông.

**Câu 10.** Ý **không** phản ánh đúng hậu quả do Chiến tranh lạnh để lại là

A. thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng, nguy cơ nổ ra chiến tranh thế giới mới.

B. cả hai siêu cường Mỹ và Liên Xô đều thu được những nguồn lợi khổng lồ.

C. các cuộc chiến tranh cục bộ đã diễn ra ở nhiều khu vực như Đông Nam Á, Triều Tiên, Trung Đông....

D. các nước phải chi phí nhiều tiền của và sức người để chạy đua vũ trang.

**4. Mức độ vận dụng cao:**

**Câu 1.** Trong xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh, Việt Nam cần đề ra chiến lược phát triển đất nước như thế nào?

A. Tập trung ổn định tình hình chính trị.

B. Tập trung phát triển kinh tế.

C. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

D. Mở rộng quan hệ ngoại giao.

**Câu 2.** Bước sang thế kỉ XXI, với sự tiến triển của xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, Việt Nam có những thời cơ gì?

A. Ứng dụng các thành tựu khoa học – kĩ thuật vào sản xuất.

B. Học hỏi kinh nghiệm quản lý của các nước tiên tiến trên thế giới.

C. Hợp tác kinh tế, thu hút vốn đầu tư và ứng dụng khoa học kĩ thuật.

D. Thu hút vốn từ bên ngoài, mở rộng thị trường.

**Câu 3.** Một trong những xu thế trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng để giải quyết vấn đề Biển Đông là

A. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình. B. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp quân sự.

C. giải quyết các tranh chấp bằng việc lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước lớn.

D. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp liên minh chính trị với các nước.

**Câu 4.** Chiến tranh lạnh chấm dứt tác động như thế nào đến tình hình các nước Đông Nam Á?

A. Thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Đông Nam Á phát triển mạnh.

B. Quan hệ giữa các nước ASEAN và các nước Đông Dương được trở nên hòa dịu.

C. Tạo điều kiện cho sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN.

D. Làn sóng xã hội chủ nghĩa lan rộng ở hầu hết các nước trong khu vực Đông Nam Á.

**Câu hỏi trắc nghiệm Lịch sử lớp 12: Bài 23 - Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973-1975)**

A. CÂU HỎI NHẬN BIẾT

Câu 1: Toán lính Mỹ cuối cùng rút khỏi nước ta ngày 29 – 3 – 1973 có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng miền Nam?

A. Hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mỹ cút”. B. Quân Mỹ không còn tham chiến ở miền Nam.

C. Chính quyền Sài Gòn không còn nhận được sự viện trợ từ Mỹ. D. Là cơ hội để giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Câu 2: Sau khi quân Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam, chính quyền Sài Gòn đã có hành động như thế nào ở miền Nam?

A. Không còn thực hiện kế hoạch “Việt Nam hóa chiến tranh”.

B. Chấp nhận đầu hàng lực lượng cách mạng miền Nam Việt Nam.

C. Tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”.

D. Tiếp tục nhận viện trợ từ Mỹ.

Câu 3: Kẻ thù của cách mạng miền Nam được xác định trong Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 tháng 7 năm 1973 là

A. chính quyền Sài Gòn và Ngô Đình Diệm.

B. chính quyền Nguyễn Văn Thiệu và bọn phản động.

C. đế quốc Mỹ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.

D. chính quyền phản động miền Nam và Mỹ.

Câu 4: Con đường cách mạng của miền Nam được xác định trong Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 là

A. đấu tranh ôn hòa.

B. cách mạng bạo lực.

C. cách mạng vũ trang.

D. đấu tranh ngoại giao.

Câu 5: Chiến thắng trong chiến dịch Đường 14 – Phước Long đã mở ra khả năng

A. trưởng thành của quân Sài Gòn. B. thắng lớn của quân ta.

C. trưởng thành của quân đội giải phóng miền Nam. D. khả năng chiến đấu của quân Mĩ.

Câu 6: Từ cuối năm 1974 đầu năm 1975, Bộ chính trị đề ra chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam trong khoảng thời gian nào?

A. Mùa mưa năm 1974 và 1975. B. Cuối năm 1975 đầu năm 1976.

C. Vào đầu năm 1975 cuối năm 1977. D. Trong hai năm 1975 và 1976.

Câu 7: Chiến dịch mở đầu cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là

A. chiến dịch Đường 14 – Phước Long. B. chiến dịch Tây Nguyên.

C. chiến dịch Huế - Đà Nẵng. D. chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 8: Trận then chốt mở màn cho chiến dịch Tây Nguyên là ở

A. Kon Tum. B. Gia Lai. C. Buôn Ma Thuật. D. Pleiku.

Câu 9: Cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ta chuyển sang giai đoạn như thế nào sau chiến dịch Tây Nguyên giành thắng lợi?

A. Tiến công chiến lược trên khắp cả nước. B. Tiến công chiến lược trên khắp miền Nam.

C. Tổng tiến công chiến lược toàn miền Nam.

D. Mở chiến dịch Huế - Đà Nẵng, chia cắt địch từ hai đầu Nam – Bắc.

Câu 10: Bộ chính trị Trung ương Đảng quyết định gì sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng?

A. Giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa năm 1975.

B. Giải phóng hoàn toàn miền Nam trước mùa mưa năm 1975.

C. Giải phóng Sài Gòn sau năm 1975.

D. Mở chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 11: Trận mở màn cho chiến dịch Hồ Chí Minh là

A. Xuân Lộc và Phan Rang. B. Sài Gòn và Dinh Độc Lập.

C. Bình Phước và Bình Dương. D. Phước Long và Bình Phước.

Câu 12: Tỉnh cuối cùng được giải phóng ở miền Nam trong năm 1975 là

A. Hà Tiên. B. Châu Đốc. C. Vĩnh Long. D. Đồng Nai Thượng.

**B. CÂU HỎI THÔNG HIỂU**

Câu 13: Vào lúc 10h45 ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã diễn ra sự kiện gì?

A. Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

B. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.

C. Xe tăng và bộ binh của ta tiến thẳng vào Dinh Độc Lập, bắt toàn bộ Nội các Sài Gòn.

D. Đánh dấu chiến dịch Hồ Chí Minh hoàn toàn thắng lợi.

Câu 14: Nguyên nhân chủ quan nào quyết định nhất sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước?

A. Sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần đoàn kết của nhân dân Đông Dương.

B. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn.

C. Ta có hậu phương vững chắc miền Bắc cung cấp sức người, sức của cho miền Nam.

D. Nhờ sự lãnh đạo sáng xuất của Đảng, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 15: Chiến dịch Hồ Chí Minh lúc đầu có tên gọi là

A. Chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định. B. Chiến dịch giải phóng miền Nam.

C. Chiến dịch Sài Gòn. D. Chiến dịch chống “Bình định – Lấn chiếm”.

Câu 16: Vì sao Bộ chính trị quyết định chọn Tây Nguyên mở màn cuộc tấn công Xuân 1975?

A. Tây Nguyên rất gần với trung tâm đề kháng của chính quyền Sài Gòn.

B. Tây Nguyên, địch bố phòng với lực lượng mỏng và sơ hở.

C. Tây Nguyên rất gần với quân đoàn 1 của chính quyền Sài Gòn.

D. Tấn công Tây nguyên làm bàn đạp tấn công Huế - Đà Nẵng.

Câu 17: Sau chiến thắng Đường 14 – Phước Long, Bộ chính trị Trung ương đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976 vì?

A. Quân ta ngày càng trưởng thành.

B. Sự bất lực của chính quyền Sài Gòn và khả năng can thiệp trở lại của Mĩ là rất hạn chế.



C. Mĩ phải rút quân về nước, không thể tham chiến tại miền Nam.

D. Mĩ không viện trợ kinh tế và quân sự cho chính quyền Sài Gòn.

Câu 18: Hành động của Mĩ ở miền Nam sau Hiệp định Pari 1973 là

A. rút hết quân đội và cố vấn quân sự khỏi miền Nam.

B. giữ lại 2 vạn cố vấn, lập bộ chỉ huy quân sự, viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

C. Mĩ hóa trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam.

D. Thỏa hiệp với Liên Xô, Trung Quốc gây khó khăn cho ta.

Câu 19: Bộ chính trị Trung ương quyết định giải phóng hoàn toàn miền Nam trước mùa mưa năm 1975 vì?

A. Ta đã chuẩn bị mọi mặt về nhân lực và vật lực.

B. Phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân thế giới ngày càng lên cao.

C. Sau thất bại ở Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng, địch không còn khả năng tăng cường phòng thủ cho Sài Gòn.

D. Chính quyền Sài Gòn đang hoang mang.

Câu 20: Hình ảnh lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập đã báo hiệu

A. sự toàn thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh.

B. chính quyền Sài Gòn đã tuyên bố đầu hàng.

C. miền Nam được hoàn toàn giải phóng.

D. mở đầu chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 21: Tinh thần “Đi nhanh đến, đánh nhanh thắng” được Bộ chính trị đề ra trong chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Hồ Chí Minh. B. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

C. Chiến dịch Tây Nguyên. D. Kế hoạch giải phóng miền Nam.

Câu 22: Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ có tác dụng như thế nào đối với phong trào cách mạng thế giới?

A. Là biểu tượng của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

B. Là thời cơ cho các nước thuộc địa đứng lên giành độc lập dân tộc.

C. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

D. Ảnh hưởng đến cách mạng Lào và Campuchia.

Câu 23: Bộ chính trị Trung ương Đảng đã dựa trên cơ sở nào để đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam?

A. Quân Mĩ rút khỏi miền Nam, địch mất chỗ dựa.

B. So sánh lực lượng có lợi cho ta, nhất là sau chiến thắng Phước Long.

C. Khả năng chi viện của hậu phương miền Bắc ngày càng lớn.

D. Mĩ cắt giảm viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

Câu 24: Thắng lợi đó “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ...”. Nội dung này được trình bày trong văn kiện nào?

A. Tuyên Ngôn Độc Lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội IV.

C. Kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam của Bộ chính trị Trung ương.

D. Báo cáo tạ hội nghị lần 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

C. **CÂU HỎI VẬN DỤNG**

Câu 25: Ý nghĩa lớn nhất từ cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước là

A. Kết thúc 70 năm chiến đấu chống Mĩ cứu nước.

B. Bảo vệ thành quả của cách mạng tháng Tám năm 1945.

C. Chấm dứt hoàn toàn sự ách thống trị của tay trên đất nước ta.

D. Tạo nền tảng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Câu 26: Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng miền Nam?

A. Là nguồn cổ vũ mạnh mẽ để quân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

B. Là điều kiện để Bộ chính trị quyết định giải phóng miền Nam trong năm 1975 và 1976.

C. Đánh dấu sự thất bại hoàn toàn của chính quyền Sài Gòn.

D. Đánh dấu sự chuyển sang giai đoạn tiến công chiến lược của cách mạng miền Nam.

Câu 27: Bài học kinh nghiệm từ cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay là

A. phát huy vai trò lãnh đạo sáng suốt của Đảng. B. phát huy vai trò của cá nhân.

C. xây dựng khối đoàn kết toàn trong Đảng. D. vượt qua thách thức, đẩy lùi nguy cơ.

Câu 28: Cho các sự kiện sau

1. Ta mở màn chiến dịch Tây Nguyên, tấn công vào Buôn Mê Thuột.
2. Bộ chính trị đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 và 1976.
3. Toán lính Mĩ cuối cùng rút khỏi nước ta.
4. Giải phóng Đường 14 và toàn bộ thị xã Phước Long.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo đúng trình tự thời gian

- A. 1;2;4;3 B. 3;4;2;1 C. 4;2;3;1 D. 4;2;1;3

Câu 29: Sự sáng tạo và linh hoạt của Đảng khi đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam thể hiện ở chỗ

- A. Quyết định chuyển sang tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.
- B. Đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong 2 năm.
- C. Quyết định giải phóng miền Nam trước tháng 5 năm 1975.
- D. Tranh thủ thời cơ, tiến công thần tốc để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân.

Câu 30: Từ sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Ngày nay, thế hệ thanh niên cần phải duy trì và phát huy truyền thống nào của dân tộc?

- A. Truyền thống anh hùng.
- B. Truyền thống yêu nước, đoàn kết.
- C. Truyền thống cần cù.
- D. Truyền thống đấu tranh bất khuất.

Câu 31: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 trải qua 3 chiến dịch lớn là

- A. Hồ Chí Minh, Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng.
- B. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.
- C. Huế - Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh.
- D. Tây Nguyên, Hồ Chí Minh, Huế - Đà Nẵng.



vndoc